

**CÔNG TY CP QUẢN LÝ ĐTNĐ  
VÀ XDGT THANH HÓA**  
Số: 33 /ĐTNĐ-KHKT

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

V/v bổ sung phương tiện thực hiện gói thầu  
QLTX: Quản lý, bảo trì luồng (tuyến) đường  
thủy nội địa quốc gia thuộc phạm vi Sở Giao  
thông vận tải Thanh Hóa quản lý năm 2024.

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 02 năm 2024

Kính gửi: Ban Quản lý bảo trì CTGT và ĐHHĐ vận tải HKCC

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 04/2024/HĐ- BDTX ngày 31/01/2024 giữa Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa với Công ty CP Quản lý ĐTNĐ & XDGT Thanh Hóa về việc thi công gói thầu QLTX: Quản lý, bảo trì luồng (tuyến) đường thủy nội địa quốc gia thuộc phạm vi Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa quản lý năm 2024.

Căn cứ hồ sơ dự thầu gói thầu QLTX: Quản lý, bảo trì luồng (tuyến) đường thủy nội địa quốc gia thuộc phạm vi Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa quản lý năm 2024.

Căn cứ vào sự khối lượng, tiến độ công việc thực hiện và phương tiện hiện có của nhà thầu.

Nhà thầu (Công ty CP Quản lý ĐTNĐ và XDGT Thanh Hóa) đề xuất với quý cơ quan như sau:

Theo hồ sơ dự thầu, gói thầu QLTX: Quản lý, bảo trì luồng (tuyến) đường thủy nội địa quốc gia thuộc phạm vi Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa quản lý năm 2024 gồm 05 tàu (02 tàu có công suất máy  $\geq 150CV$  là tàu TH-0675, TH-0684 và 03 tàu có công suất  $\geq 33CV$  là tàu TH-0340, TH-0352, TH-0592) để thực hiện công tác quản lý, bảo trì thường xuyên trên các tuyến ĐTNĐ quốc gia sông Lèn, tuyến Lạch Bạng – Đảo Mê, kênh Nga Sơn, kênh De, sông Mã, kênh Choán, sông Tào và sông Bưởi.

Để đảm bảo với khối lượng, tiến độ công việc thực hiện công tác quản lý, bảo trì luồng (tuyến) đường thủy nội địa quốc gia năm 2024, nhà thầu dự kiến bố trí bổ sung thêm 02 tàu công tác công suất  $\geq 33CV$  (Tàu TH-1465, công suất 50CV có Giấy chứng nhận ATKTK và BVMT phương tiện thủy nội địa số 00027/24V36 và tàu TH-1466, công suất 50CV có Giấy chứng nhận ATKTK và BVMT phương tiện thủy nội địa số 00025/24V36) thực hiện công tác quản lý, bảo trì trên các tuyến ĐTNĐ quốc gia: kênh Nga Sơn, sông Lèn (đoạn từ ngã ba Yên Lương đến ngã ba Bông), kênh De, sông Mã, kênh Choán, sông Tào (đoạn từ ngã ba Trường Xá đến ngã ba Tào Xuyên) và sông Bưởi thuộc gói thầu.

1. Phương tiện cụ thể như sau:

STT	Tên phương tiện, công suất máy	Số đăng ký	Số, thời hạn đăng kiểm	Tình trạng hoạt động
1	Tàu công tác 08	TH-1465	V36-00965, ngày 30/7/2024	Tốt
2	Tàu công tác 09	TH-1466	V36-00966, ngày 24/6/2024	Tốt

2. Về các nội dung khác:

- Phương tiện bổ sung có đầy đủ công năng như phương tiện trong hồ sơ dự thầu (có đầy đủ trang thiết bị, có gắn cầu...) để thực hiện công tác quản lý, bảo trì thường

- Nhà thầu cam kết: Bố trí đúng phương tiện được chấp thuận, đảm bảo các điều kiện vận hành của phương tiện theo quy định của hợp đồng và không vượt quá giá trị của Hợp đồng đã ký.

Nhà thầu báo cáo và kính trình quý cơ quan xem xét, chấp thuận cho nhà thầu được bổ sung phương tiện để thực hiện gói thầu QLTX: Quản lý, bảo trì luồng (tuyến) đường thủy nội địa quốc gia thuộc phạm vi Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa quản lý năm 2024.

Rất mong nhận được sự quan tâm và tạo điều kiện của quý cơ quan./.

**Nơi nhận:**

- Như trên (b/c);
- Lưu VT, KHKT.

*centra*



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Hoàng Văn Bảy**

UBND TỈNH THANH HÓA  
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 08-23/DK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



## GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Tên phương tiện: Tàu Công tác 09 Số đăng ký: TH - 1466  
Chủ phương tiện: Công ty CP quản lý ĐTNĐ và XD giao thông Thanh Hóa  
Địa chỉ chủ phương tiện: 320, Trần Hưng Đạo, P. Nam Ngạn, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa  
Đã được đăng ký phương tiện có đặc điểm sau:

Cấp phương tiện:		Công dụng:	Tàu chở người
Năm và nơi đóng:	2021, Thanh Hóa		
Chiều dài thiết kế:	8,98	m. Chiều dài lớn nhất:	10,15 m
Chiều rộng thiết kế:	2,64	m. Chiều rộng lớn nhất:	3,0 m
Chiều cao mạn:	0,9	m. Chiều chum:	0,4 m
Mạn khô:	0,503	m. Vật liệu vỏ:	Thép
Số lượng, kiểu và công suất máy chính:	01, 4 JBI, 50 cv		

Trong tải toàn phần, số lượng người được phép chở, sức kéo, dẩy:

Số người: 8 (người)/TTTP: 2,07 (tấn)

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 01 năm 2024



CHAU  
BỘ GIÁM ĐỐC

Lai Thế Khái

Số seri: TH 000780



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM  
CHI CỤC ĐĂNG KÝ SỐ 12

Số: 00025/24V36



HS 007167

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ  
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN THUYỀN NÓI ĐẠ**

Tên phương tiện: Tàu công tác 09 Số ĐKHC: TH-1466  
Công dụng: Tàu chở người Số Đăng kiểm: V36-00966  
Chủ phương tiện: Công ty CP quản lý ĐTND và XD giao thông Thanh Hóa  
Địa chỉ: số 320 Trần Hưng Đạo, phường Nam Ngạn, TP. Thanh Hoá, Thanh Hóa  
Năm và nơi đóng: 2021, Thanh Hóa  
Kích thước cơ bản: L x B x D x d 8,98x2,64x0,9x0,4 m;  
L<sub>max</sub> x B<sub>max</sub> 10,15x3 m; Mạn khô F: 503 mm;  
Vật liệu: Thép ; Tổng dung tích (GT): 7 ;  
Số lượng máy chính/phụ: 1/0 ; Tổng công suất: 50 / 0 sức ngựa;  
Căn cứ báo cáo kiểm tra kỹ thuật số 00025/24V36 ngày 17 tháng 1 năm 2024

**CHI CỤC ĐĂNG KÝ SỐ 12**

chứng nhận phương tiện có đặc tính kỹ thuật và ngân ngừa ô nhiễm ghi trong giấy chứng nhận này có trạng thái kỹ thuật thỏa mãn các yêu cầu của quy chuẩn, quy định hiện hành và được trao cấp:

VR-SI

Vùng hoạt động:

Vùng SI

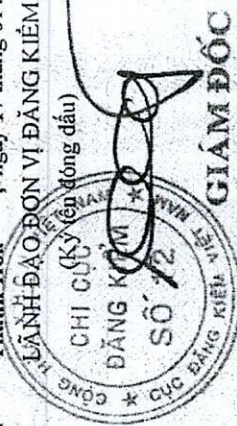
Khả năng khai thác:

Số người: 8 (người)/TTTTP: 2,07 (tấn)

Chú tàu phải tuân thủ việc bố trí khách theo thiết kế, khi quay vòng tốc độ của tàu không quá 10km/h  
Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày 24 tháng 6 năm 2024

Cấp tại

Thanh-Hóa, ngày 17 tháng 01 năm 2024



Số KS VS21064842

GIÁM ĐỐC

Đỗ Văn Sang

SI-01B

Ký hiệu thiết kế: TKH 01-21  
 Năm thiết kế: 2021  
 Số GCN: 014852/TS/02  
 Số thẩm định: 00639/TS/DM21  
 Năm và nơi hoàn chỉnh:

**Thiết kế phương tiện**

Thiết bị neo : SL (chiếc): 1 ; Tổng khối lượng neo : 50 kg  
 Chiều dài x đường kính xích, cáp: 50/10

Thiết bị lái : Tổng DT (m<sup>2</sup>): 0,18  
 Bánh lái: Kiểu Tâm ; số lượng (chiếc): 1 ; Mô men lái (tm):

Thiết bị căng buồm : Chiều dài (m) 50/50  
 Dây buồm: số lượng (chiếc) 1/1 ; Thiết bị kéo : Đường kính (mm):

Cột kéo: Kiểu Móc kéo: Kiểu

Máy chính : Năm chế tạo Số chế tạo Công suất (sức ngựa/kW)  
 1 4JBI JX493ZQ4 50

Máy phụ : 0; 0  
 Số lượng, mã, công suất (sức ngựa):  
 Thiết bị điện 1

Công suất (KVA): 0,625 ; Điện áp (V): 24V  
 Số bình ắc quy: 4 ; Điện áp (V): 12 ; Dung lượng (Ah): 180x4

Số lượng phao tròn (chiếc): 1 ; Số lượng phao áo (chiếc): 11  
 Số lượng dụng cụ nổi (chiếc): 0 ; Tổng sức chở (người): 0  
 Trang bị cứu đắm

Bơm hút khô: kiểu Ly tâm ;  
 Số lượng (chiếc): 1 ; Lưu lượng (m<sup>3</sup>) 25  
 Bộ dụng cụ cứu đắm: ;

Thiết bị tự động báo mức nước đáy khoang: ;  
 Ông nhôm  Đồng hồ  Trang bị chạy tàu   
 Thiết bị đo sâu đơn giản   
 Thiết bị đo nghiêng   
 VHF (chiếc): 0 ; Chuông lệnh   
 AIS   
 Thiết bị đo mức nước

**Trang bị chữa cháy**

Số lượng bơm chữa cháy (chiếc): 1 ; Tổng lưu lượng (m<sup>3</sup>) 25  
 Loại khí ; Tổng khối lượng (kg)

Bình bọt dầy: Số lượng x dung tích: 2x5  
 Bình CO<sub>2</sub>: Số bình x khối lượng (kg)  
 Bình bột: Số bình x khối lượng (kg)  
 Bình bột: Số bình x dung tích (lit) 8x9

Bộ dụng cụ chữa cháy thủ công:  ; Sơ đồ bố trí thiết bị chữa cháy:

**Trang bị tín hiệu**

Đèn mạn đỏ  ; Đèn mạn xanh  ; Đèn trắng lái   
 Đèn cột trắng:  ; Đèn cột xanh  ; Đèn cột đỏ   
 Đèn lái trắng:  ; Đèn lái đỏ  ; Đèn lái xanh   
 Đèn trắng nháy  ; Đèn vàng nháy  ; Đèn đỏ nháy   
 Đèn cho các tình huống khác  ; Đèn nửa xanh nửa đỏ  ; Đèn dự trữ   
 Âm hiệu: Còi-I/Chuông-I/Kênh-0/Kèn-0/Loa-0

Vật liệu: Tam giác đen  ; Tam giác trắng  ; Vuông đen   
 Hình chữ nhật đen  ; Hình tròn đen  ; Hình tròn trắng   
 Hình thoi góc vuông đen  ; Bộ cờ hiệu

Thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm (do rác, dầu, nước thải sinh hoạt, chất lỏng độc hại của tàu)  
 Thiết bị phân ly dầu nước: Số lượng (chiếc) ; Tổng sản lượng (m<sup>3</sup>)  
 Kết thu hồi hỗn hợp dầu nước: Số lượng (chiếc) 1 ; Tổng thể tích (m<sup>3</sup>) 0,05  
 Kết nước thải: Số lượng (chiếc) ; Tổng thể tích (m<sup>3</sup>)  
 Bình nổi tiêu chuẩn: Số lượng (chiếc) 1 ; Vị trí: Ngoài buồng máy  
 Thiết bị chứa rác: Số lượng (chiếc) ; Số lượng (m<sup>3</sup>)  
 Thiết bị xử lý nước thải: Số lượng: ; Sản lượng (m<sup>3</sup>):

Thời hạn kiểm tra :  
 Định kỳ: 24/06/2026 ; Trên đài: 24/06/2024  
 Hàng năm: 24/06/2024 ; Trung gian:

**Áp dụng đối với:**

- Các phương tiện hoạt động trên sông, kênh, rạch, hồ, đầm và vịnh.
- Các phương tiện có sức chở dưới 50 người;
- Các phương tiện có trọng tải toàn phần dưới 200 tấn;
- Các phương tiện có động cơ có tổng công suất dưới 135 sức ngựa;
- Các phương tiện chuyên dùng như: bển nổi, thiết bị thi công nổi, nhà nổi, tàu cứu, tàu hút... có chiều dài thiết kế nhỏ hơn 10 m.

**Trách nhiệm của chủ phương tiện:**

Chịu trách nhiệm bảo đảm tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện theo các tiêu chuẩn quy định giữa hai kỳ kiểm tra.

UBND TỈNH THANH HÓA  
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 07-23/ĐK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



## GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Tên phương tiện: Tàu Công tác 08 Số đăng ký: TH - 1465  
Chủ phương tiện: Công ty CP quản lý ĐTNĐ và XD giao thông Thanh Hóa  
Địa chỉ chủ phương tiện: 320, Trần Hưng Đạo, P. Nam Ngạn, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa  
Đã được đăng ký phương tiện có đặc điểm sau:

Cấp phương tiện:	Công dụng:	Tàu chở người
Năm và nơi đóng:	2021, Thanh Hóa	
Chiều dài thiết kế:	8,98 m,	Chiều dài lớn nhất: 10,15 m
Chiều rộng thiết kế:	2,64 m,	Chiều rộng lớn nhất: 3,0 m
Chiều cao mạn:	0,9 m,	Chiều chìm: 0,4 m
Mạn khô:	0,503 m,	Vật liệu vỏ: Thép
Số lượng, kiểu và công suất máy chính:	01, 4 JBI, 50 cv	

Trong tài toàn phần, số lượng người được phép chở, sức kéo, đẩy

Số người: 8 (người)/TTTT: 2,07 (tấn)

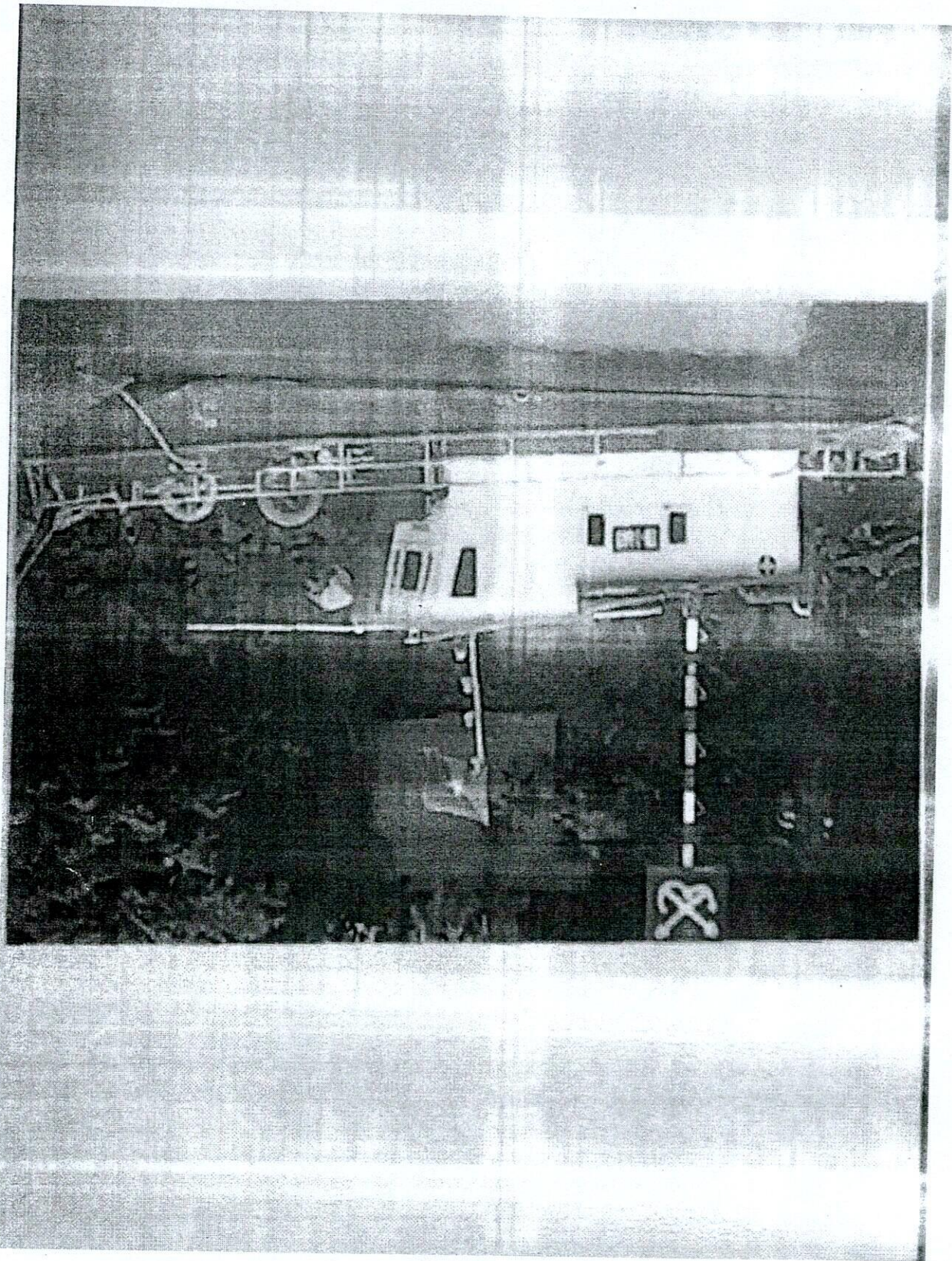
Thanh Hóa, ngày 10 tháng 01 năm 2024



PHÓ GIÁM ĐỐC

Lại Thế Khái

Số seri: TH 000779





BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM  
CHI CỤC ĐĂNG KÝ SỐ 12

Số: 00027/24V36



BS 007168

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ  
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Tên phương tiện: Tàu công tác 08 Số ĐKHC: TH-1465  
Công dụng: Tàu chở người Số Đăng kiểm: V36-00965  
Chủ phương tiện: Công ty CP quản lý ĐTNĐ và XD giao thông Thanh Hóa  
Địa chỉ: số 320 Trần Hưng Đạo, phường Nam Ngạn, TP. Thanh Hoá, Thanh Hóa  
Năm và nơi đóng: 2021, Thanh Hóa  
Kích thước cơ bản: L x B x D x d 8,98x2,64x0,9x0,4 m;  
L<sub>max</sub> x B<sub>max</sub> 10,15x3 m; Mạn khô F: 503 mm;  
Vật liệu: Thép ; Tổng dung tích (GT): 7 ;  
Số lượng máy chính/phụ: 1/0 ; Tổng công suất: 50/0 sức ngựa;  
*Căn cứ báo cáo kiểm tra kỹ thuật số 00027/24V36 ngày 17 tháng 1 năm 2024*

**CHI CỤC ĐĂNG KÝ SỐ 12**

chứng nhận phương tiện có đặc tính kỹ thuật và ngăn ngừa ô nhiễm ghi trong giấy chứng nhận này có trạng thái kỹ thuật thỏa mãn các yêu cầu của quy chuẩn, quy định hiện hành và được trao cấp:

VR-SI

Vùng SI

Vùng hoạt động:

Số người: 8 (người)/ TTTP: 2,07 (tấn)

Khả năng khai thác:

Chú tàu phải tuân thủ việc bố trí khách theo thiết kế. Khi quay vòng tốc độ của tàu không quá 10km/h

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày 30 tháng 7 năm 2024

Cấp tại

Thanh-Hóa, ngày 17 tháng 01 năm 2024

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ

CHI CỤC ĐĂNG KÝ (tên đóng dấu)

SỐ 12

ĐĂNG KÝ

ĐĂNG KÝ

Số KS VS21064841

GIÁM ĐỐC

Đỗ Văn Sang

SI-01B

**Thiết kế phương tiện**  
 TKH 01-21 Năm thiết kế: 2021  
 Số GCN: 01485/21TS/01 Số thẩm định: 00639/TS/DM21  
 Năm và nơi hoàn cai:

Thiết bị neo Matrosof ; SL(chiếc): 1 ; Tổng khối lượng neo 50 kg  
 Chiều dài x đường kính xích, cáp: 50/10

Thiết bị lái Tầm ; số lượng (chiếc): 1 ; Tổng DT (m<sup>2</sup>): 0,18  
 Cơ khí ; Mô men lái (tm): 0,3

Thiết bị chằng buộc Dây buộc: số lượng (chiếc) 1/1 ; Chiều dài (m) 50/50  
 Thiết bị kéo ; Đường kính (mm): 120

Bít đơn Móc kéo: Kiểu

Máy chính Máy chính Mác Năm chế tạo Số chế tạo Công suất (sức ngựa/kW)  
 1 4JBI JX493ZQ3 50

Máy phụ Máy phụ ; Điện áp (V): 0; 0

Thiết bị điện Thiết bị điện ; Điện áp (V): 24V ; Dung lượng (Ah): 180x4  
 ; Số lượng phao áo (chiếc): 11 ; Tổng sức chở (người): 12

Trang bị cứu sinh Trang bị cứu sinh ; Điện áp (V): 24V ; Dung lượng (Ah): 180x4  
 ; Số lượng phao áo (chiếc): 11 ; Tổng sức chở (người): 12

Trang bị cứu đuối Trang bị cứu đuối ; Điện áp (V): 24V ; Dung lượng (Ah): 180x4  
 ; Số lượng phao áo (chiếc): 11 ; Tổng sức chở (người): 12

Bơm hút khô: kiểu Ly tâm ; Lưu lượng (m<sup>3</sup>) 25  
 Số lượng (chiếc): 1 ; Lưu lượng (m<sup>3</sup>) 25

Bộ dụng cụ cứu đuối ; Lưu lượng (m<sup>3</sup>) 25

Thiết bị tự động báo mức nước đầy khoang: ; Lưu lượng (m<sup>3</sup>) 25

Trang bị chạy tàu Ống nhôm  Đồng hồ   
 Thiết bị đo sâu đơn giản   
 Thiết bị đo nghiêng   
 VHF (chiếc): 0

BS007168

**Trang bị chữa cháy**  
 Số lượng bơm chữa cháy (chiếc): 1 ; Tổng lưu lượng (m<sup>3</sup>) 25  
 Loại khí ; Tổng khối lượng (kg)

Bình bọt dầy: Số lượng x dung tích: 2x5  
 Bình CO<sub>2</sub>: Số bình x khối lượng (kg) 8x9  
 Bình bột: Số bình x khối lượng (kg)  
 Bình bột: Số bình x dung tích (lit)  
 Bộ dụng cụ chữa cháy thủ công:  ; Sơ đồ bố trí thiết bị chữa cháy:

**Trang bị tín hiệu**  
 Đèn hiệu: Đèn mạn đỏ  ; Đèn mạn xanh  ; Đèn trắng lái   
 Đèn cột trắng:  ; Đèn cột xanh  ; Đèn cột đỏ  ; Đèn neo   
 Đèn lái trắng:  ; Đèn lái đỏ  ; Đèn lái xanh  ; Đèn vàng   
 Đèn trắng nháy  ; Đèn vàng nháy  ; Đèn đỏ nháy   
 Đèn cho các tình huống khác  ; Đèn nửa xanh nửa đỏ  ; Đèn dự trữ   
 Âm hiệu: Còi-1/Chuông-1

Vật hiệu: Tam giác đen  ; Tam giác trắng  ; Vuông đen   
 Hình chữ nhật đen  ; Hình tròn đen  ; Hình tròn trắng   
 Hình thoi góc vuông đen  ; Bộ cờ hiệu

Trang bị ngăn ngừa ô nhiễm (dầu rác, dầu, nước thải sinh hoạt, chất lỏng độc hại của tàu) ; Tổng sản lượng (m<sup>3</sup>) 0,05  
 Thiết bị phân ly dầu nước: Số lượng (chiếc) 1 ; Tổng thể tích (m<sup>3</sup>)  
 Kết thu hồi hỗn hợp dầu nước: Số lượng (chiếc) 1 ; Tổng thể tích (m<sup>3</sup>)  
 Kết nước thải: Số lượng (chiếc) 1 ; Vị trí: Ngoài buồng máy  
 Bịch nổi tiêu chuẩn: Số lượng (chiếc): 1 ; Sẵn lượng (m<sup>3</sup>):  
 Thiết bị chứa rác: Số lượng (chiếc)  
 Thiết bị xử lý nước thải: Số lượng:

Định kỳ: 30/07/2026 Thời hạn kiểm tra 30/07/2024  
 Hàng năm: 30/07/2024 ; Trên đà: ; Trung gian:

**Áp dụng đối với:**  
 Các phương tiện hoạt động trên sông, kênh, rạch, hồ, đầm và vịnh:  
 - Các phương tiện có sức chở dưới 50 người;  
 - Các phương tiện có trọng tải toàn phần dưới 200 tấn;  
 - Các phương tiện có động cơ có tổng công suất dưới 135 sức ngựa;  
 - Các phương tiện chuyên dùng như: bển nổi, thiết bị thi công nổi, nhà nổi, tàu cuốc, tàu hút... có chiều dài thiết kế nhỏ hơn 10 m.

**Trách nhiệm của chủ phương tiện:**  
 Chịu trách nhiệm bảo đảm tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện theo các tiêu chuẩn quy định giữa hai kỳ kiểm tra.